

**TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /CTBGI-TTHT
V/v hướng dẫn chính sách giảm
thuế GTGT

Bắc Giang, ngày tháng năm

Kính gửi: Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản
Địa chỉ: Số 663 đường Lê Lợi, phường Dĩnh Kế,
TP Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang; Mã số thuế 2400345838

Ngày 21/6/2024, Cục Thuế tỉnh Bắc Giang nhận được Công văn số 151/TTĐVĐGTS ngày 20/6/2024 của Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản (sau đây gọi tắt là Trung tâm) đề nghị hướng dẫn giảm thuế GTGT và tính thuế GTGT của thù lao dịch vụ đấu giá theo Thông tư số 108/2020/TT-BTC ngày 21/12/2020. Về vấn đề này, Cục Thuế tỉnh Bắc Giang có ý kiến như sau:

1/Về việc áp dụng thuế suất thuế GTGT và tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp trên doanh thu:

Căn cứ Điều 66 Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016 của Quốc hội quy định về thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản:

“Điều 66. Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản

1. Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản do người có tài sản đấu giá và tổ chức đấu giá tài sản thỏa thuận trong hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản. Trường hợp đấu giá tài sản quy định tại khoản 1 Điều 4 của Luật này thì thù lao dịch vụ đấu giá được xác định theo cơ chế giá dịch vụ theo khung do Bộ Tài chính quy định.

2. Chi phí đấu giá tài sản bao gồm chi phí niêm yết, thông báo công khai, chi phí thực tế hợp lý khác cho việc đấu giá tài sản do người có tài sản đấu giá và tổ chức đấu giá tài sản thỏa thuận.”

Căn cứ điểm a, khoản 10 Điều 73 Luật giá số 16/2023/QH15 ngày 19/6/2023 của Quốc hội:

“Điều 10. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số khoản, điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung tên điều và khoản 1 Điều 66 như sau:

“Điều 66. Giá dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản

1. Giá dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản do người có tài sản đấu giá và tổ chức đấu giá tài sản thỏa thuận trong hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản. Trường hợp đấu giá tài sản quy định tại khoản 1 Điều 4 của Luật này thì giá dịch vụ đấu giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về giá.”;

... ”

Căn cứ khoản 2 Điều 1 Thông tư số 108/2020/TT-BTC ngày 21/12/2020 của Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại Luật đấu giá tài sản:

“Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại Luật đấu giá tài sản

...
2. Thù lao dịch vụ đấu giá tài sản quy định tại khoản 1 Điều này chưa bao gồm: thuế giá trị gia tăng và chi phí đấu giá tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 66 Luật đấu giá tài sản.”

Căn cứ Điều 13 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế giá trị gia tăng, quy định hương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng:

“Điều 13. Phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng

...
2. Số thuế giá trị gia tăng phải nộp theo phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng bằng tỷ lệ % nhân với doanh thu áp dụng như sau:

a) Đối tượng áp dụng:

...
- Tổ chức kinh tế khác không phải là doanh nghiệp, hợp tác xã, trừ trường hợp đăng ký nộp thuế theo phương pháp khấu trừ.

b) Tỷ lệ % để tính thuế GTGT trên doanh thu được quy định theo từng hoạt động như sau:

- Phân phối, cung cấp hàng hoá: 1%;
- Dịch vụ, xây dựng không bao thầu nguyên vật liệu: 5%;
- Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hoá, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu: 3%;
- Hoạt động kinh doanh khác: 2%.

...”

Từ các quy định hướng dẫn nêu trên, trường hợp Trung tâm đăng ký tính thuế theo phương pháp trực tiếp trên GTGT, sử dụng hóa đơn bán hàng khi thực hiện hợp đồng đấu giá tài sản (đấu giá quyền sử dụng đất) thì giá tính thuế GTGT đối với

thù lao dịch vụ đấu giá tài sản là giá đã có thuế GTGT và là doanh thu để tính thu nhập chịu thuế. Trường hợp thù lao dịch vụ đấu giá được thỏa thuận chưa bao gồm thuế GTGT thì Trung tâm thực hiện quy đổi ra giá đã có thuế GTGT với tỉ lệ để tính thuế GTGT trên doanh thu đối với dịch vụ là 5% cộng với chi phí đấu giá tài sản. Cụ thể đối với trường hợp ví dụ Trung tâm nêu ra được xác định như sau:

Trường hợp, thù lao dịch vụ đấu giá là giá chưa bao gồm thuế GTGT: 15.070.160 đồng.

- Thù lao dịch vụ đấu giá quy đổi ra giá đã có thuế GTGT:

$$15.070.160 / (100\% - 5\%) = 15.863.326 \text{ đồng.}$$

- Chi phí đấu giá theo thỏa thuận là giá đã có thuế GTGT: 21.256.000 đồng.

- Tổng thù lao dịch vụ và chi phí đấu giá (đã bao gồm thuế GTGT): 37.119.326 đồng.

- Giá ghi trên hóa đơn và doanh thu để tính thuế GTGT: 37.119.326 đồng.

- Thuế GTGT Công ty phải nộp: $37.119.326 \times 5\% = 1.855.966$ đồng.

2/Về việc giảm thuế GTGT theo Nghị định số 94/2023/NĐ-CP ngày 28/12/2023 của Chính phủ

Căn cứ Nghị quyết số 110/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc hội Nghị quyết kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XV:

Căn cứ Nghị định số 94/2023/NĐ-CP ngày 28/12/2023 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế GTGT theo Nghị quyết số 110/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc hội:

Điều 1. Giảm thuế giá trị gia tăng

1. Giảm thuế giá trị gia tăng đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10%, trừ nhóm hàng hóa, dịch vụ sau:

a) Viễn thông, hoạt động tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, kinh doanh bất động sản, kim loại và sản phẩm từ kim loại đúc sẵn, sản phẩm khai khoáng (không kể khai thác than), than cốc, dầu mỏ tinh chế, sản phẩm hóa chất. Chi tiết tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

b) Sản phẩm hàng hóa và dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt. Chi tiết tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

c) Công nghệ thông tin theo pháp luật về công nghệ thông tin. Chi tiết tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này.

d) Việc giảm thuế giá trị gia tăng cho từng loại hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều này được áp dụng thống nhất tại các khâu nhập khẩu, sản xuất, gia công, kinh doanh thương mại. Đối với mặt hàng than khai thác bán ra (bao gồm cả trường hợp than khai thác sau đó qua sàng tuyển, phân loại theo quy trình khép kín mới bán ra) thuộc đối tượng giảm thuế giá trị gia tăng. Mặt hàng than thuộc Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này, tại các khâu khác ngoài khâu khai thác bán ra không được giảm thuế giá trị gia tăng.

Các tổng công ty, tập đoàn kinh tế thực hiện quy trình khép kín mới bán ra cũng thuộc đối tượng giảm thuế giá trị gia tăng đối với mặt hàng than khai thác bán ra.

Trường hợp hàng hóa, dịch vụ nêu tại các Phụ lục I, II và III ban hành kèm theo Nghị định này thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng hoặc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng 5% theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng thì thực hiện theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng và không được giảm thuế giá trị gia tăng.

2. Mức giảm thuế giá trị gia tăng

a) Cơ sở kinh doanh tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Cơ sở kinh doanh (bao gồm cả hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh) tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp tỷ lệ % trên doanh thu được giảm 20% mức tỷ lệ % để tính thuế giá trị gia tăng khi thực hiện xuất hóa đơn đối với hàng hóa, dịch vụ được giảm thuế giá trị gia tăng quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Trình tự, thủ tục thực hiện

a) Đối với cơ sở kinh doanh quy định tại điểm a khoản 2 Điều này, khi lập hóa đơn giá trị gia tăng cung cấp hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng giảm thuế giá trị gia tăng, tại dòng thuế suất thuế giá trị gia tăng ghi “8%”; tiền thuế giá trị gia tăng; tổng số tiền người mua phải thanh toán. Căn cứ hóa đơn giá trị gia tăng, cơ sở kinh doanh bán hàng hóa, dịch vụ kê khai thuế giá trị gia tăng đầu ra, cơ sở kinh doanh mua hàng hóa, dịch vụ kê khai khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào theo số thuế đã giảm ghi trên hóa đơn giá trị gia tăng.

b) Đối với cơ sở kinh doanh quy định tại điểm b khoản 2 Điều này, khi lập hóa đơn bán hàng cung cấp hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng giảm thuế giá trị gia tăng, tại cột “Thành tiền” ghi đầy đủ tiền hàng hóa, dịch vụ trước khi giảm, tại dòng “Cộng tiền hàng hóa, dịch vụ” ghi theo số đã giảm 20% mức tỷ lệ % trên doanh thu, đồng thời ghi chú: “đã giảm... (số tiền) tương ứng 20% mức tỷ lệ % để tính thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 110/2023/QH15”.

4. Trường hợp cơ sở kinh doanh theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ áp dụng các mức thuế suất khác nhau thì trên hóa đơn giá trị gia tăng phải ghi rõ thuế suất của từng hàng hóa, dịch vụ theo quy định tại khoản 3 Điều này.

Trường hợp cơ sở kinh doanh theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ thì trên hóa đơn bán hàng phải ghi rõ số tiền được giảm theo quy định tại khoản 3 Điều này.

5. Trường hợp cơ sở kinh doanh đã lập hóa đơn và đã kê khai theo mức thuế suất hoặc mức tỷ lệ % để tính thuế giá trị gia tăng chưa được giảm theo quy định tại Nghị định này thì người bán và người mua xử lý hóa đơn đã lập theo quy định pháp luật về hóa đơn, chứng từ. Căn cứ vào hóa đơn sau khi xử lý, người bán kê khai điều chỉnh thuế đầu ra, người mua kê khai điều chỉnh thuế đầu vào (nếu có).

6. Cơ sở kinh doanh quy định tại Điều này thực hiện kê khai các hàng hóa, dịch vụ được giảm thuế giá trị gia tăng theo Mẫu số 01 tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định này cùng với Tờ khai thuế giá trị gia tăng.

Điều 2. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2024.

...”

Từ các quy định và hướng dẫn nêu trên, trường hợp Trung tâm có hoạt động dịch vụ đầu giá bất động sản, quyền sử dụng đất sẽ không thuộc trường hợp được giảm thuế GTGT theo Nghị định số 94/2023/NĐ-CP, Trung tâm phải theo dõi riêng để lập hóa đơn đối với trường hợp không được giảm thuế GTGT. Còn hoạt động đầu giá là động sản, xe ô tô... (mà hoạt động này không thuộc nhóm sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được quy định tại Phụ lục I, II, III ban hành kèm theo Nghị định số 94/2023/NĐ-CP) thì thuộc trường hợp được giảm 20% mức tỷ lệ % để tính thuế giá trị gia tăng khi thực hiện xuất hóa đơn đối với hàng hóa, dịch vụ được giảm thuế giá trị gia tăng, khi lập hóa đơn bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ thuộc đối tượng giảm thuế giá trị gia tăng, tại cột “Thành tiền” ghi đầy đủ tiền hàng hóa, dịch vụ trước khi giảm, tại dòng “Cộng tiền hàng hóa, dịch vụ” ghi theo số đã giảm 20% mức tỷ lệ % trên doanh thu, đồng thời ghi chú: “đã giảm... (số tiền) tương ứng 20% mức tỷ lệ % để tính thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 110/2023/QH15.

Đề nghị Trung tâm căn cứ vào từng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, phương pháp tính thuế thực tế của đơn vị đối chiếu với các Phụ lục I, II, III ban hành theo Nghị định 94/2013/NĐ-CP ngày 28/12/2023 của Chính phủ để xác định hàng hóa, dịch vụ được giảm thuế GTGT và không được giảm thuế GTGT theo quy định.

Cục Thuế tỉnh Bắc Giang trả lời để Trung tâm được biết và thực hiện theo đúng theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Cục;
- Phòng: NVDTTC;
- Website Cục Thuế;
- Lưu: VT, TTHT.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Nguyễn Văn Sỹ